

NHỮNG NGƯỜI TUỔI DẦN CÓ TIẾNG CỦA QUÊ HƯƠNG QUẢNG BÌNH

PHẠM NGỌC

Những người tuổi Dần có tiếng xưa của Quảng Bình thì có ít nhưng cũng rất đáng quan tâm, đó là:

1. Nguyễn Hữu Cảnh: Ông sinh năm Canh Dần (1650), quê ở làng Phúc Tín, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Ông nội và cha của ông đều là những tướng tài xứ Đàng Trong thời Trịnh - Nguyễn phân tranh.

Nguyễn Hữu Cảnh là người có tính khí ngang tàng, rất ham luyện võ nghệ. Lớn lên ông học hành rất thông minh. Lúc đầu, ông được Chúa Nguyễn Phúc Chu cử giữ chức Cai cơ, dần dần ông được cử giữ các chức vụ quan trọng khác và đã giúp cho Chúa Nguyễn nhiều công sức lớn. Ông là người có rất nhiều tài năng, nên được Chúa Nguyễn phong chức tước xứng đáng và cử vào các tỉnh miền Nam chinh phục người Chăm, nước Chân Lạp quấy phá và thu phục đất đai cho Đại Việt.

Năm Mậu Dần (1698), Khai quốc Công thần Nguyễn Hữu Cảnh sáng lập xứ Sài Gòn - Gia Định. Nguyễn Hữu Cảnh là vị tướng kiệt xuất dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725). Ông là người tổ chức, mở mang công việc, khai khẩn đất đai, lập nên bản đồ địa giới, làng xã, tổ chức bộ máy hành chính đầu tiên ở Nam Bộ nước ta. Nguyễn Hữu Cảnh đã khai sáng ra 2 huyện Tân Bình (TP. Hồ Chí Minh ngày nay) và Phước Long (tỉnh Đồng Nai) và sau đó là hàng trăm địa danh đều mang tên Bình (của Quảng Bình) ở Nam Bộ. Ngoài ra ông còn nhiều kỳ tích khác như mở rộng vùng đất ở Khome ở Nam Bộ. Ông đã mộ dân ở các tỉnh Ngũ Quảng (Quảng Bình, Quảng Đức (Thừa Thiên Huế hiện nay), Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi vào đó lập làng an cư. Vì vậy, ông được vua Minh Mạng truy

phong là *Lễ Thành hầu Khai quốc Công thần Tráng Võ Tướng quân Vĩnh An Hoà*. Vua Tự Đức sắc ban tặng ông là *Thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh*. Hiện nay ở các tỉnh Nam Bộ có hàng trăm nhà thờ thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Ở các nhà thờ đó đều có các câu đối chữ Hán ca ngợi tài đức của ông. Ông mất năm 1700, thọ 51 tuổi.

2. Nguyễn Bàng Dực: Sinh năm Bính Dần (1806), quê ở làng Cảnh Dương, nay là xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch. Ông đã đậu Cử nhân khoa Bính Ngọ (1848), đậu Tiến sỹ khoa Kỷ Mùi (1849). Ông làm quan đến chức Đốc học tỉnh Vĩnh Long.

3. Nguyễn Phạm Tuân: Sinh năm Nhâm Dần (1842), tự là Tử Trai, hiệu là Minh Phong, quê ở làng Kiên Bình (nay thuộc phường Hải Đình, TP. Đồng Hới), đỗ Cử nhân, năm Mậu Dần (1878) ông được vua Tự Đức bổ làm Hành tẩu Bộ Lễ. Ông có tấm lòng yêu nước thương dân vô hạn cho nên sau này, tháng 10/1885, ông được vua Hàm Nghi giao cho ông phụ trách cơ quan Cần Vương Trung ương của cả nước. Ông đã giúp cho vua rất nhiều việc của phong trào Cần Vương, sau đó ông bị Pháp bắt, nhưng ông rất kiên quyết chống lại những dụ dỗ của địch và cuối cùng ông đã uống thuốc độc tự vẫn ngày 10/4/1887.

4. Nguyễn Quang: Sinh năm Nhâm Dần (1842), quê ở Lộc Long, huyện Quảng Ninh, đậu Phó bảng khoa Đinh Sửu (1877), làm quan đến Tu nghiệp Quốc Tử Giám.

5. Phan Văn Khai: Sinh năm Giáp Dần (1854), quê ở làng Tá Thắng, huyện Lệ Thủy, đậu Tiến sỹ khoa Kỷ Sửu (1889), lúc 36 tuổi, nhưng không ra làm quan.

Ngoài ra cũng có thể có một số người khác tuổi Dần nhưng trong sử sách chưa nói rõ được.

P.N